TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/HC-PT
Ngày: 15/8/2023
V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**
Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**
Ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Trường**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 32/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2614/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1974; trú tại: thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H*:* Bà Lê Thị Thúy K, sinh năm 1994; địa chỉ: C L, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: B T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Lê N - Chủ tịch UBND thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt B – Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Văn bản ủy quyền số 6271/UBND-ĐC ngày 19/8/2022); Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch UBND xã T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND xã T (Văn bản ủy quyền số 111/UBND-ĐC ngày 27/12/2022); Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964, trú tại: Xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1965, trú tại: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966, trú tại: Thôn B, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1959, trú tại: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh D, Đặng Thị H2*:* Ông Lê Trung T3, sinh năm 1970; địa chỉ: F T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Bích H3;

8. Anh Nguyễn Trọng N1.

9. Anh Nguyễn Trọng Đ.

10. Anh Nguyễn Trọng P.

11. Anh Nguyễn Trọng T4.

Đều trú tại: Thôn B, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 2001; trú tại: B N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V*:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ A, Khu V, phường V, thành phố H; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị Thu N2, sinh năm 1998; trú tại: J - Z - Số A Đường S, Quận G, thành phố Đ, Đài Loan; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021, các bản tự khai của Người khởi kiện bà Hà Thị H*, lời khai của ông* Lê Văn T5 *là đại diện theo ủy quyền của bà* H *trình bày:*

Năm 1995, bà H và ông Nguyễn Văn H4 (Sinh năm 1967, chết ngày 07/08/2016) tổ chức lễ cưới. Đến ngày 22/10/2003 được UBND xã T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (theo Nghị định 77/NĐ-CP). Quá trình chung sống vợ chồng bà khai phá đất đai và xây dựng căn nhà cấp 4 có diện tích 70m^2 trên đất tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố H.

Ngày 25/10/2003, vợ chồng bà H nộp đơn xin cấp sổ đỏ và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V141753 ngày 18/11/2003, quá trình cấp giấy chứng nhận không có ai tranh chấp được UBND thị xã T xác nhận và được những người dân sống lâu năm trên thửa đất này làm chứng.

Ngày 10/09/2021, bà H nhận được giấy mời của Thanh tra thành phố H mời đến làm việc để làm rõ các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố H và không nêu rõ lý do làm việc. Sau đó, ngày 18/11/2021, bà H nhận được Quyết định số: 8211/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyết sử dụng đất số V141753 do UBND huyện H cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H ngày 18/11/2003 với lý do: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng nguồn gốc, đối tượng sử dụng đất".

Vì vậy, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Quyết định số 8211/QĐ-UBND đề ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyết sử dụng đất số V141753 do UBND huyện H cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H ngày 18/11/2003 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 2088 m^2, tọa lạc tại thôn T, xã T, thị xã H (nay là thành phố H).

Người bị kiện UBND thành phố H*, tỉnh Thừa Thiên Huế tại công văn số 1545/UBND-ĐC ngày 09/3/2021, trình bày ý kiến như sau:*

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn T, xã T, thị xã H (nay là thành phố H) đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – H ngày 18/11/2003. Ngày 22/6/2021, bà Nguyễn Thị M có đơn kiến nghị liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất nêu trên.

Trên cơ sở thẩm tra, xác minh làm việc với các đơn vị có liên quan thể hiện nguồn gốc đất do ông, bà Nguyễn Văn C – Văn Thị N3 khai hoang, tạo lập sử dụng ổn định từ năm 1977 đến khi chết; đồng thời qua làm việc thì bà Hà Thị H có ý kiến như sau: *"...Thửa đất đã được* UBND huyện H *(nay là* thị xã H*) cấp Giấy chứng nhận cho vợ chồng bà vào ngày 18/11/2003 là do cha mẹ chồng khai hoang, tạo lập; vợ chồng bà ăn ở với nhau từ năm 1995. Khi vợ chồng bà*

*về ở tại thửa đất này đã có ngôi nhà bằng gỗ do mẹ chồng bà (*Văn Thị N3*) đang ở. Vợ chồng bà ở cùng mẹ chồng tại ngôi nhà này được 01 năm thì vào khoảng năm 1998, bà* Đặng Thị H2 *(vợ của ông* Nguyễn Văn T6 - *chị dâu của chồng bà) bán xác nhà. Sau đó, vợ chồng bà làm nhà tạm để ở (năm 1998), đến khoảng năm 1999 - 2000 được Nhà nước hỗ trợ, nên vợ chồng bà xây dựng nhà kiên cố và ở từ đó cho đến nay".*

Ngày 29/10/2021, UBND thành phố H đã ban hành Công văn số 6993/UBND-ĐC về việc Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật và Quyết định số 8211/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp tại thửa đất số 45 nêu trên; lý do: Giấy chứng nhận đã cấp không đúng nguồn gốc, đối tượng sử dụng đất là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thanh D *(con của ông* Nguyễn Văn C *và bà* Văn Thị N3*), bà* Đặng Thị H2 *chị* Nguyễn Thị Bích H3, *anh* Nguyễn Trọng N1, *anh* Nguyễn Trọng Đ, *anh* Nguyễn Trọng P, *anh* Nguyễn Trọng T4 *(là vợ, con của ông* Nguyễn Thanh T7*) thống nhất khai với nội dung:*

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 với diện tích 2.088m^2 được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2003 cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C và bà Văn Thị N3 khai hoang, tạo lập năm 1977. Có sự xác nhận của UBND xã T và các hộ dân sinh sống lâu năm ở xung quanh.

Ông C, bà N3 xây dựng nhà ở cùng các con cho đến khi chết. Ông Nguyễn Văn C chết năm 1980, bà Văn Thị N3 chết năm 2020. Các con sau khi trưởng thành thì lần lượt lập gia đình, ra ở riêng.

Năm 1999, do lụt lớn trôi nhà nên ông Nguyễn Văn C, bà Văn Thị N3 được nhà nước cho khung nhà sắt để làm lại nhà ở (Bà Nguyễn Thị M, con gái ông bà thay mặt nhận khung nhà).

Thời điểm ông Nguyễn Văn H4 kết hôn với bà Hà Thị H, ông H4 và bà H sinh sống tại nhà bố mẹ ruột của bà Hà Thị H. Đến năm 2001, ông H4 và bà H mới chuyển về sinh sống chung với bà Văn Thị N3 tại thửa đất cho đến nay.

Quá trình sử dụng đất đều do bà Văn Thị N3 đứng tên kê khai và nộp thuế. Việc ông Nguyễn Văn H4 và bà Hà Thị H tự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định nên bà Nguyễn Thị M đã khiếu nại. Nay UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, các đương sự mong muốn Cơ quan chức năng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng đối tượng. Để xây dựng nhà thờ ông bà trên thửa đất, làm nơi thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích V *và chị* Nguyễn Thị Thu N2 *(con ông* Nguyễn Văn H4*) thống nhất như lời khai của người khởi kiện bà* Hà Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T *có ý kiến tại Báo cáo số: 194/BC-UBND ngày 19/8/2022 của* Ủy ban nhân dân xã T *về việc xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của cho ông, bà* Nguyễn Văn H4 *(chết)* – Hà Thị H *tại* xã T *với nội dung như sau:*

1. Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ như sau: Đối với hồ sơ, bản đồ 299 hiện nay tại UBND xã không có lưu dữ. Hiện tại UBND xã chỉ quản lý lưu trữ bản đồ địa chính đo đạc vào năm 2005 và được đo đạc, chỉnh lý năm 2017, sổ mục kê đất đai năm 2005 và sổ mục kê đất đai năm 2017

2. Về quá trình sử dụng thửa đất như sau: Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 04 diện tích 2.088m^2 được ông, bà Nguyễn Văn H4 (đã chết) – Hà Thị Hoa đăng ký kê khai cấp giấy CNQSD đất vào ngày 14 tháng 8 năm 2001, theo kê khai hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất thì thửa đất có nguồn gốc là khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1989 và được UBND xã T xác nhận ngày 25 tháng 10 năm 2003 và chuyển cho UBND huyện H (nay là thị xã H) xem xét cấp giấy CNQSD đất. Đến ngày 18 tháng 11 năm 2003 thì UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất cho ông, bà Nguyễn Văn H4 - Hà Thị H tại thửa đất nêu trên.

Trên cơ sở xác minh nguồn gốc và quá trình sử đất của thửa đất nói trên và đối chiếu với hồ sơ địa chính lưu trữ thì thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 được đo đạc định vị lại tại thửa đất số 77 tờ bản đồ số 33 diện tích 2.171,3m^2 đo đạc theo bản đồ địa chính năm 2005 và người đứng tên đăng ký kê khai là bà Văn Thị Nại . Đến năm 2017 thì được đo đạc, chỉnh lý theo bản đồ địa chính năm 2017 vẫn nguyên số thửa 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.171,m^2 người đứng tên đăng ký kê khai là Nguyễn Văn H4.

Về nhân thân ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1967 là con trai của ông, bà Nguyễn Văn C – Văn Thị N3 (đã chết), đồng thời cùng sinh sống với bố mẹ trên thửa đất nói trên cho đến khi chết.

Qua kiểm tra xác minh thì thửa đất nói trên có nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn C - Văn Thị N3 (đã chết) khai hoang tạo lập sử dụng ổn định từ năm 1977 theo dạng đi kinh tế mới và sử dụng ổn định liên tục cho đến khi chết.

Trong thời gian sinh sống ông, bà Nguyễn Văn C - Văn Thị N3 vẫn ở và sử dụng thửa đất nói trên từ khi tạo lập cho đến khi chết.

Về tài sản trên đất qua xác minh tìm hiểu được biết trước đây ông, bà Nguyễn Văn C - Văn Thị N3 có tạo dựng một ngôi nhà để ở, đến năm 1999 thì bị lũ cuốn trôi, sau đó được Nhà nước hỗ trợ cho một ngôi nhà có kết cấu bằng sắt, tường bờ lô, mái lợp tôn, trong quá trình sinh sống ông Nguyễn Văn H4 là con trai có tu sửa nâng cấp lại một số hạng mục như nhà bếp, mái hiên, tô trét lại tường nhà.

Hiện nay, thửa đất trên do bà Hà Thị H vợ ông Nguyễn Văn H4 đang quản lý và sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, đại diện

UBND thành phố H vắng mặt, người khởi kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng về phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 8211/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H.

Ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã mở phiên tòa, tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ là bản đồ 299 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 nhưng Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T, Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đều trả lời không lữu trữ.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 195; Điều 204 và Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 2; khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Hà Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 8211/QĐ-UBND đề ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyết sử dụng đất số V141753 do UBND huyện H cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H ngày 18/11/2003 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.088m^2, tọa lạc tại thôn T, xã T, thị xã H (nay là thành phố H).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hà Thị H, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bích V *(con bà* H*)*, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà H, bà V đều cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tài liệu chứng cứ trong vụ án chưa đầy đủ, toàn diện khách quan, áp dụng pháp luật không đúng, ban hành bản án không thấu tình, đạt lý, do vậy, bà H, bà V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Hà Thị H và bà Nguyễn Thị Bích V giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, xem xét kháng cáo của bà Hà Thị H Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét về nguồn gốc thửa đất, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy, nguồn gốc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.088m^2, tọa lạc tại thôn T, xã T được UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2003 cho ông Nguyễn Văn H4 và bà Hà Thị H có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn C1 và bà Văn Thị N3 *(bố mẹ chồng bà* Hà Thị H*)* khai hoang, tạo lập từ năm 1977. Trên thửa đất có xây dựng một ngôi nhà của ông C1, bà N3 ở. Năm 1980 ông C1 chết, năm 2020 bà N3 chết, trước khi chết, ông C1, bà N3 không để lại di chúc, như vậy, tài sản nhà đất nói trên là di sản thừa kế của ông C1, bà N3 chưa chia, thời hiệu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật vẫn còn.

[2.2]. Quá trình đăng ký, kê khai sử dụng đất: Hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299 hiện không có, theo bản đồ địa chính, đo đạc năm 2005, thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.171,3m^2, thể hiện tên bà Văn Thị N3 là người đứng tên đăng ký, kê khai và sử dụng, theo bản đồ địa chính đo đạc, chỉnh lý lại năm 2017 thuộc thửa 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.171,2m^2, thể hiện tên ông Nguyễn Thanh H5 đăng ký sử dụng.

[2.3]. Tại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận do ông, bà Nguyễn Văn H4, Hà Thị H lập vào năm 2001, đã kê khai nguồn gốc đất tự khai phá năm 1989, nhà tự xây dựng và đã được UBND xã T xác nhận ngày 25/10/2003 với nội dung *"Đất tự khai phá, ở ổn định từ năm 1989 đến nay không có tranh chấp*".

[2.4]. Theo trình bày của bà H thì năm 1995 bà và ông H4 tổ chức lễ cưới, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn. Năm 1997, vợ chồng ông H4, bà H về sinh sống với mẹ chồng là bà Văn Thị N3 trên thửa đất này. Năm 1998, bà Đặng Thị H2 *(vợ của ông* Nguyễn Văn T6 - *chị dâu của chồng bà* H2*)* đã bán xác nhà này, sau đó vợ chồng bà đã làm nhà tạm để ở, đến năm 1999-2000 thì được Nhà nước hỗ trợ xác nhà và vợ chồng bà xây nhà kiên cố để ở cho đến nay.

Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy vợ chồng ông H4, bà H2 kê khai nguồn gốc nhà đất do vợ chồng bà khai hoang, tạo lập và ở từ năm 1989 là không đúng về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; thửa đất nêu trên là do ông, bà Nguyễn Văn C, Văn Thị N3 *(cha mẹ chồng bà* H2*)* tạo lập, sử dụng từ năm 1977, theo bản đồ địa chính, đo đạc năm 2005, thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.171,3m^2, thể hiện tên bà Văn Thị N3 là người đứng tên đăng ký, kê khai, quá trình khởi kiện bà H2 cũng không cung cấp giấy tờ tặng cho hoặc được thừa kế của ông C, bà N3. Vì vậy, UBND huyện H *(nay là* thị xã H*)* đã cấp Giấy chứng nhận thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04,diện tích 2.088m^2 cho ông Nguyễn Văn H4, bà Hà Thị H ngày 18/11/2003 là không đúng về nguồn gốc, đối tượng sử dụng đất, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế khác của ông C, bà N3. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; UBND thành phố H ra Quyết định số 8211/QĐ-UBND đề ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyết sử dụng đất số V141753 do UBND huyện H cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H ngày 18/11/2003 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.088m^2, tọa lạc tại thôn T, xã T, thị xã H (*nay thuộc* thành phố H*)* là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Do đó, tại Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bà Hà Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Bích V *(con bà* H*)*, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hà Thị H và bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của bà Hà Thị H và bà Nguyễn Thị Bích V, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng: Điều 99; Điều 100; điểm d khoản 2; khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Xử:

1. Bác đơn khởi kiện của bà Hà Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 8211/QĐ-UBND đề ngày 29/10/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyết sử dụng đất số V141753 do UBND huyện H cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H4 – Hà Thị H ngày 18/11/2003 tại thửa đất số 45, tờ bản

đồ số 04, diện tích 2.088m^2, tọa lạc tại thôn T, xã T, thị xã H (nay là thành phố H).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Bà Hà Thị H, bà Nguyễn Thị Bích V mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà H, bà V đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000252 và số 0000251 cùng ngày 07/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi